

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ NHÂN LỰC AN KHÁNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ NHÂN LỰC AN KHÁNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN KHANH COMMERCE AND HUMAN RESOURCES CORPORATION

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108180809

**3. Ngày thành lập:** 12/03/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Yên Lũng, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02466608586

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                   | 7810        |
| 2.  | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                              | 7820        |
| 3.  | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng quản lý nguồn lao động làm việc ở nước ngoài. - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước. | 7830(Chính) |
| 4.  | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                            | 7920        |
| 5.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Đào tạo ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại. - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng.                   | 8559        |
| 6.  | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                           | 2817        |
| 7.  | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu                                                                                                                   | 2100        |
| 8.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                   | 2392        |
| 9.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                            | 2592        |
| 10. | Trồng rừng và chăm sóc rừng<br>Chi tiết: Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ.                                                                            | 0210        |
| 11. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                         | 1010        |
| 12. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                 | 1020        |
| 13. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                           | 1062        |
| 14. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                           | 1071        |
| 15. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                   | 1075        |
| 16. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm                                                                          | 1079        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                        | 1322 |
| 18. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                             | 1621 |
| 19. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                     | 5510 |
| 20. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                              | 5610 |
| 21. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                    | 3312 |
| 22. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                        | 3313 |
| 23. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                        | 3314 |
| 24. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                       | 3320 |
| 25. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                         | 4100 |
| 26. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                  | 4220 |
| 27. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                    | 4290 |
| 28. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                          | 8532 |
| 29. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn du học. - Tư vấn giáo dục. - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên                                                                                                                                          | 8560 |
| 30. | Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá                                                                                                                                                                                                                          | 8610 |
| 31. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán và hôn nhân có yếu tố nước ngoài)                                    | 6619 |
| 32. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; tư vấn bất động sản; quản lý bất động sản; sàn giao dịch bất động sản (theo quy định tại Điều 62, 69, 74, 75 Luật kinh doanh bất động sản 2014) | 6820 |
| 33. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                           | 7110 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN NGỌC HẢI  | Thôn Quan Tự, Xã Đại Cường, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông | 460.800    | 4.608.000.000         | 48,000    | 001083016156                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                           | Tổng số           | 460.800    | 4.608.000.000         | 48,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ THỊ DIỆU THÚY | 231 (N21-Lk27) khu Văn La, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông | 19.200     | 192.000.000           | 2,000     | 013381525                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                           | Tổng số           | 19.200     | 192.000.000           | 2,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN VĂN HOÀN  | Phòng 8.06 tòa Vimeco, tổ 41, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 480.000    | 4.800.000.000         | 50,000    | 013040914                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                           | Tổng số           | 480.000    | 4.800.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01/10/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001083016156

Ngày cấp: 16/05/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL lưu trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Quan Tự, Xã Đại Hùng, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Quan Tự, Xã Đại Hùng, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội